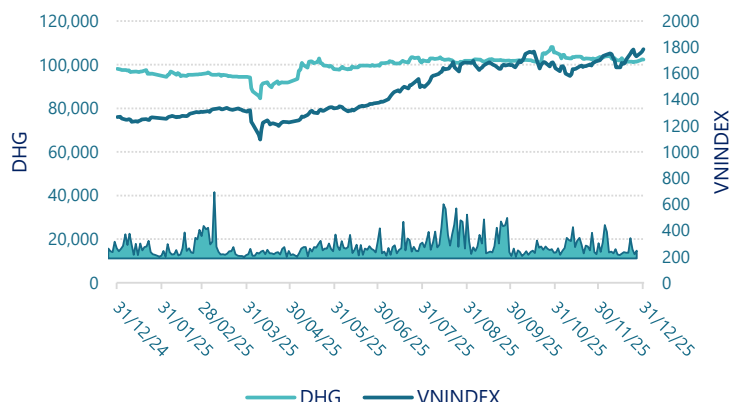


CTCP Dược Hậu Giang (HSX: DHG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	102,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	108,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	84,552
SL cổ phiếu LH	130,746,071
KLGD BQ 20 phiên (CP)	20,155
% sở hữu nước ngoài	54.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	13,375
P/E	14.9
EPS	6,865

DT thuần

Q4/25

1,742

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 596 | 52.0%

YoY: ▲ 283 | 19.4%

LN sau thuế

Q4/25

185

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 25.0 | -12.0%

YoY: ▼ 23.0 | -11.2%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

19.9%

+/- YoY: ▲ 0.8%

DT thuần

2025

5,267

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 382 | 7.8%

LN sau thuế

2025

898

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 119 | 15.2%

ROE

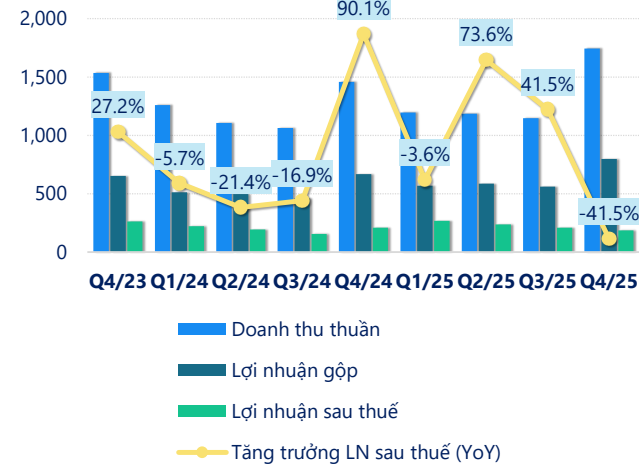
2025

21.7%

+/- YoY: ▲ 4.3%

tỷ VNĐ

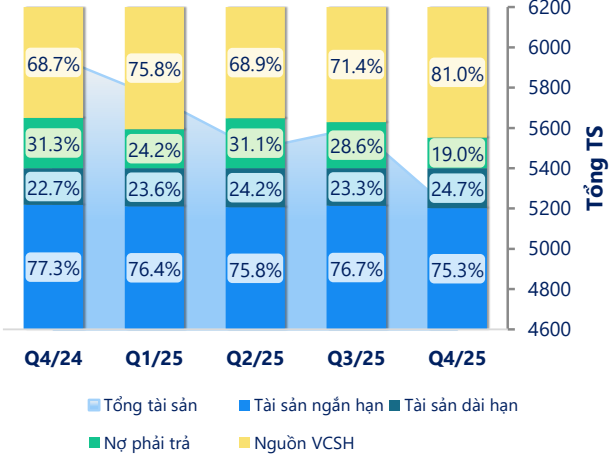
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

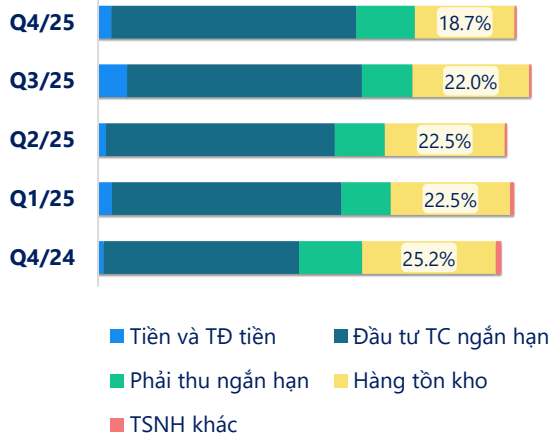
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



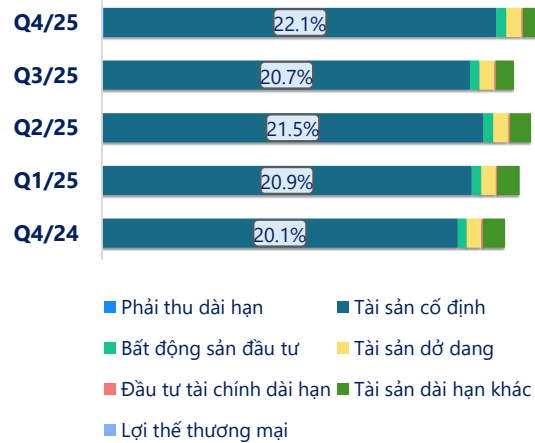
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

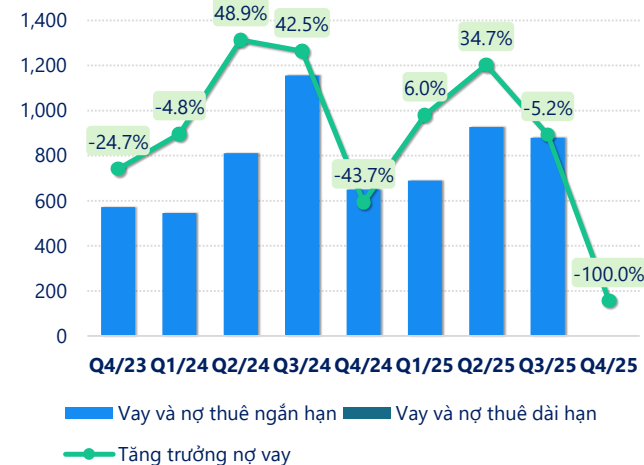
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

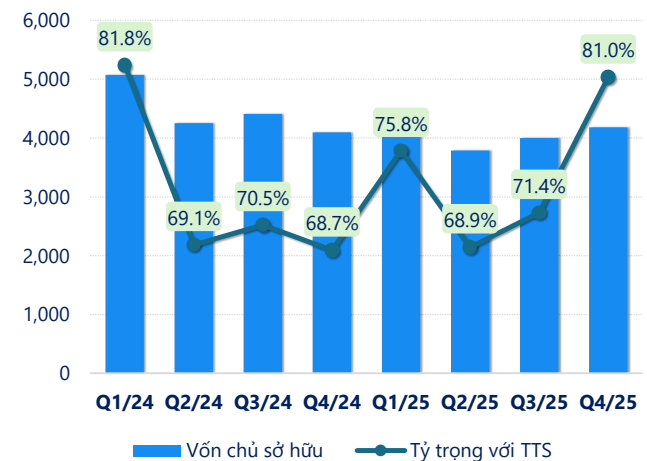
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



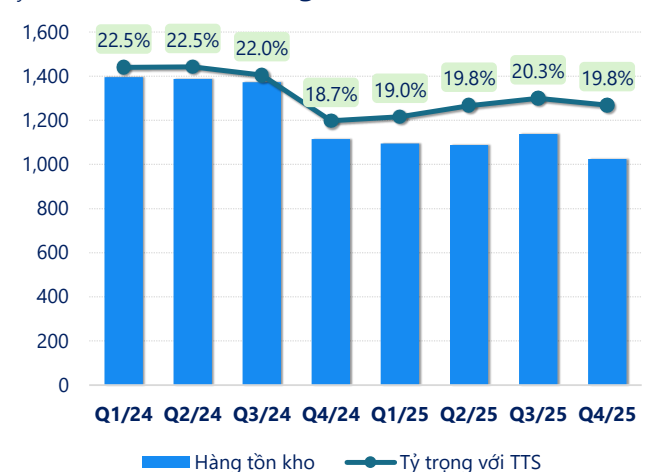
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn

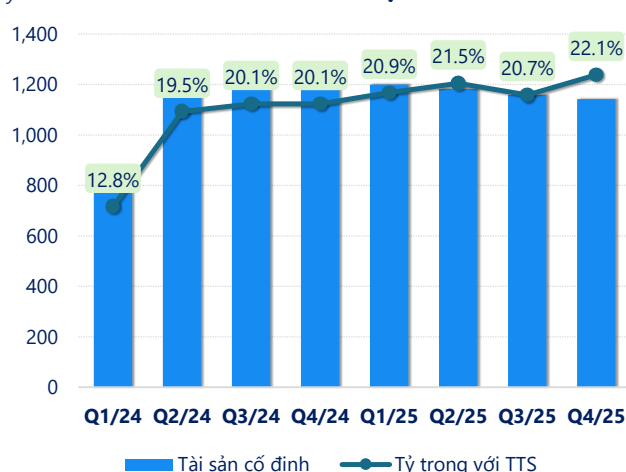

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


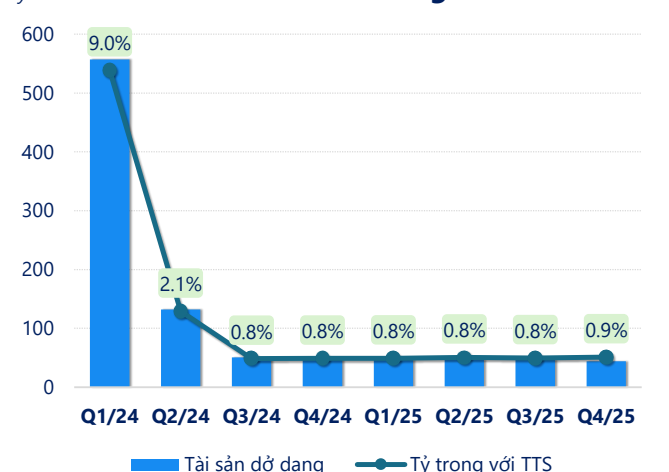
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

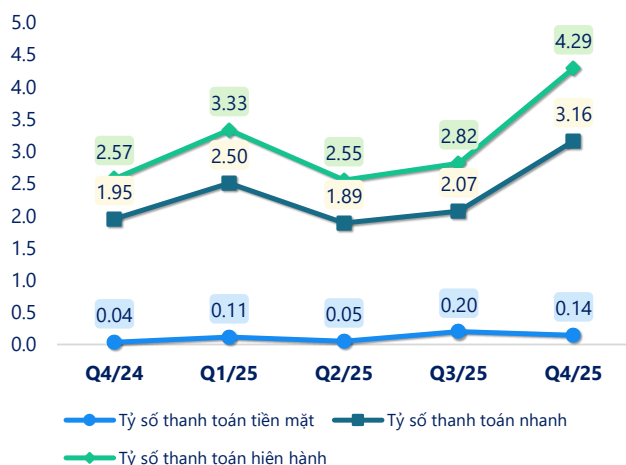
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

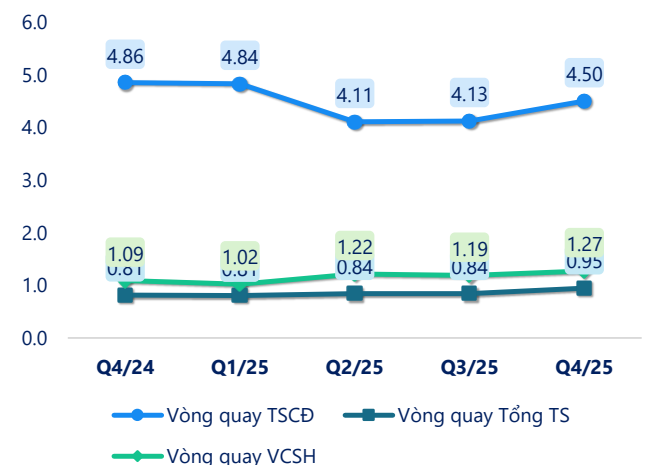
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	5,959	5,756	5,495	5,601	5,166
Tài sản ngắn hạn	4,604	4,400	4,165	4,299	3,887
Tiền và tương đương tiền	62.9	150	80.3	306	130
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,745	2,575	2,475	2,260	2,024
Phải thu ngắn hạn	657	547	497	570	683
Hàng tồn kho	1,115	1,094	1,088	1,138	1,025
Tài sản ngắn hạn khác	24.0	33.9	25.4	24.1	26.0
Tài sản dài hạn	1,355	1,356	1,330	1,302	1,278
Phải thu dài hạn	0.21	0.21	0.21	3.80	5.61
Tài sản cố định	1,196	1,201	1,182	1,159	1,143
Bất động sản đầu tư	30.7	30.5	30.3	30.1	29.9
Tài sản dở dang	48.6	47.3	46.6	46.4	44.2
Đầu tư tài chính dài hạn	4.44	4.56	4.63	4.61	4.63
Tài sản dài hạn khác	75.4	72.7	65.9	58.1	51.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,864	1,395	1,707	1,603	983
Nợ ngắn hạn	1,790	1,321	1,632	1,527	906
Vay và nợ thuê ngắn hạn	650	689	928	879	0
Phải trả người bán ngắn hạn	167	329	293	256	392
Nợ dài hạn	74.2	73.9	75.2	76.5	77.2
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	4,095	4,361	3,788	3,998	4,182
Vốn chủ sở hữu	4,095	4,361	3,788	3,998	4,182
Vốn điều lệ	1,307	1,307	1,307	1,307	1,307
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)